

Số: 01-01/2023/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính quý 4 năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/556-bao-cao-tai-chinh-quy-4-nam-2022>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Đại diện tổ chức**

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính quý 4 năm 2022
- Công văn giải trình

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



PHẠM THỊ NGỌC NINH



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô I, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính  
Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>656.302.843.049</b>	<b>769.336.089.430</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>10.854.259.999</b>	<b>13.097.514.020</b>
1. Tiền	111		854.259.999	3.097.514.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
0. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>595.167.514.059</b>	<b>754.825.107.483</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	566.369.527.340	754.478.646.236
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	74.683.704.893	8.382.192.893
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.965.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.959.045.389	433.887.855
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(48.844.763.563)	(10.434.619.501)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>50.039.495.798</b>	<b>652.087.280</b>
1. Hàng tồn kho	141		50.039.495.798	652.087.280
1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>241.573.193</b>	<b>761.380.647</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.155.626	110.890.473
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	650.490.174
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	230.417.567	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.028.482.943</b>	<b>486.746.051.173</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.759.327.989</b>	<b>95.446.255.947</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.759.327.989	15.046.255.947
- Nguyên giá	222		20.597.334.495	23.554.198.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.838.006.506)	(8.507.942.184)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	80.400.000.000
- Nguyên giá	228		-	80.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>1.188.407.637</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.188.407.637
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>4.219.882.432</b>	<b>390.111.387.589</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	432.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.560.000.000	20.160.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(340.117.568)	(62.048.612.411)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49.272.522</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		49.272.522	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>673.331.325.992</b>	<b>1.256.082.140.603</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.289.412.777</b>	<b>631.856.024.216</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>92.948.996.090</b>	<b>468.257.607.557</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.980.833.810	109.629.662.701
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		214.783.600	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	56.354.803	545.961.989
3. Phải trả người lao động	314		-	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	34.842.549.775	116.180.008.765
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	43.078.249.965	234.125.749.965
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>340.416.687</b>	<b>163.598.416.659</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	340.416.687	163.598.416.659
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>580.041.913.215</b>	<b>624.226.116.387</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>580.041.913.215</b>	<b>624.226.116.387</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(125.700.716.082)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.516.512.910)	(86.095.889.432)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(44.184.203.172)	4.579.376.522
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>673.331.325.992</b>	<b>1.256.082.140.603</b>

  
 Nguyễn Thị Thanh Thúy  
 Người lập

  
 Trần Thị Yến Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Vũ Thị Dương  
 Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bacn Đàng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2022		Năm 2022		Năm 2021	
			VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	122.330.822.782	270.814.835.040	359.357.021.692	1.523.133.726.355		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02							
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		122.330.822.782	270.814.835.040	359.357.021.692	1.523.133.726.355		
4. Giá vốn hàng bán	11	21	121.664.114.327	240.867.278.027	359.170.471.955	1.464.100.865.514		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		666.708.455	29.947.557.013	186.549.737	59.032.860.841		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	658.797.372	62.994.170	909.054.991	3.143.206.708		
7. Chi phí tài chính	22	23	1.723.556.094	(79.111.538)	(39.316.034.181)	48.511.853.480		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.716.743.364	(16.634.892.413)	21.508.602.092	43.954.870.693		
8. Chi phí bán hàng	25	24	958.574.776	48.782.374	1.056.974.720	196.879.496		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		40.386.572.975	4.550.080.385	44.711.443.067	9.691.043.808		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(41.743.198.018)	25.490.799.962	(5.356.778.878)	3.776.290.765		
11. Thu nhập khác	31		21.101.000	4.442.632.730	36.398.137.926	4.877.867.587		
12. Chi phí khác	32		24.240	(70.235.908.048)	75.225.562.220	2.779.160.196		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		21.076.760	74.678.540.778	(38.827.424.294)	2.098.707.391		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.722.121.258)	100.169.340.740	(44.184.203.172)	5.874.998.156		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính  
Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(50=30+40)					
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	1.206.197.257	-	1.295.621.634
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98.963.143.483	(44.184.203.172)	4.579.376.522
(60=50-51-52)					
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.427	(637)	67
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Thanh Thúy  
Người lập

Trần Thị Yến Chi  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Dương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(44.184.203.172)	5.874.998.156
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.378.389.500	1.487.038.485
- Các khoản dự phòng	03		(23.298.350.781)	6.152.562.201
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		560.250.827	333.102.071
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		74.307.414.346	(261.297.484)
- Chi phí lãi vay	06		21.508.602.092	43.954.870.693
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.272.102.812	57.541.274.122
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		122.439.645.849	(107.193.451.629)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.387.408.518)	16.076.968.495
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(102.458.174.914)	(65.131.172.456)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		50.462.325	(1.965.114)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(102.833.169.856)	(539.088.947)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(755.621.634)	(954.870.015)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.672.163.936)	(100.202.305.544)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.902.727.273	1.960.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.600.000.000)	(4.765.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.565.000.000	12.800.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		447.600.000.000	34.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		896.397.457	1.520.134.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		457.364.124.730	45.515.134.323
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	58.577.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(356.930.499.972)	(1.902.999.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(356.930.499.972)	56.674.000.028

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng


**Báo cáo tài chính**


Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**(Theo phương pháp gián tiếp)***MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.238.539.178)	1.986.828.807
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.097.514.020	11.110.233.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.714.843)	452.193
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>10.854.259.999</b>	<b>13.097.514.020</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Thúy  
Người lập

  
Trần Thị Yến Chi  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Dương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 29 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón Ure và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

878  
Y  
N  
HẢI  
H  
HẢI P

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3 . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### • Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

### Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

- Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

#### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	279.801.979	273.731.839
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	574.458.020	2.823.782.181
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.854.259.999</u>	<u>13.097.514.020</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2022 các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 4%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.595.261.492	10.028.308.433
Công ty Cổ phần thương mại Abavia Việt Nam	106.841.350.000	178.676.350.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	154.341.017.458	281.841.995.000
Công ty CP Phát triển phân bón Đình vũ	107.316.072.995	116.148.072.995
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	6.582.754.985	84.662.050.000
Công ty CP Ecoparadise Việt Nam	-	70.346.200.000
Công ty TNHH TM và đầu tư Hoàng Cầu	119.994.850.000	-
Công ty CP XNK Hà Nội	51.740.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.958.220.410	12.775.669.808
	<b>566.369.527.340</b>	<b>754.478.646.236</b>
c) <b>▼ Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.)	<b>2.162.367.324</b>	-

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	35.222.400.000	-	-	-
Công ty CP TM dịch vụ và XNK Trần Trang	31.280.000.000	-	-	-
Trả trước khác	3.715.478.981	(2.219.290.795)	3.916.366.981	(2.286.087.595)
	<b>74.683.704.893</b>	<b>(6.685.116.707)</b>	<b>8.382.192.893</b>	<b>(6.751.913.507)</b>

**9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.328.767	-	59.671.233	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	225.000.000	-
Phải thu khác	2.774.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
	<b>2.959.045.389</b>	<b>(149.216.622)</b>	<b>433.887.855</b>	<b>(149.216.622)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**10 . NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Công ty CP phát triển phân bón Đình Vũ	32.194.821.899	-	-	-
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy TP Nam Ninh	6.716.683.044	-	-	-
Đối tượng khác	2.603.834.170	-	3.105.195.051	486.123.467
	<b>48.844.763.563</b>	<b>-</b>	<b>10.434.619.501</b>	<b>486.123.467</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	652.087.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Hàng hoá	50.039.495.798	-	-	-
	<b>50.039.495.798</b>	<b>-</b>	<b>652.087.280</b>	<b>-</b>

**12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	<b>1.188.407.637</b>
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	-	868.862.182
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	-	319.545.455
	<b>-</b>	<b>1.188.407.637</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thương mại dịch vụ và XNK Trần Trang	-	-	76.092.200.000	76.092.200.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	-	19.648.827.780	19.648.827.780
Công ty CP Liên doanh Nông Lâm Sản Việt Lào	-	-	7.141.300.000	7.141.300.000
Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
FAGRO INTERNATIONAL TRADING FZE	2.885.758.440	2.885.758.440	2.818.505.595	2.818.505.595
Công ty CP DAP - VINACHEM	1.039.530.800	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.793.044.570	1.793.044.570	2.666.329.326	2.666.329.326
	<b>6.980.833.810</b>	<b>5.941.303.010</b>	<b>109.629.662.701</b>	<b>109.629.662.701</b>



Ch

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B 09-DN****15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	24.089.246.306	24.033.497.128	-	55.749.178
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	545.621.634	-	755.621.634	210.000.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	340.355	2.220.668.252	2.220.402.982	-	605.625
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.902.320	4.902.320	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
	-	<b>545.961.989</b>	<b>26.318.816.878</b>	<b>27.018.424.064</b>	<b>210.000.000</b>	<b>56.354.803</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

2007  
CÔNG  
CỔ P  
TNH  
JANG  
ANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	16.160.424	29.991.184
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hải Phòng	-	39.849.863.010
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ đô	34.083.961.108	26.330.717.825
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-
Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037
Các khoản phải trả, phải nộp khác	742.428.243	741.488.709
	<b>34.842.549.775</b>	<b>116.180.008.765</b>

308  
C TY  
H AN  
AP KI  
B IN  
-TP.V

Ch



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	231.747.000.000	231.747.000.000	-	148.545.000.000	24.625.000.000	24.625.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức <sup>(1)</sup>	53.170.000.000	53.170.000.000	-	28.545.000.000	24.625.000.000	24.625.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng <sup>(2)</sup>	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	-	-
- Công ty CP đầu tư và tư vấn AZ	-	-	25.375.000.000	25.375.000.000	-	-
- Vay cá nhân	58.577.000.000	58.577.000.000	161.360.000.000	203.860.000.000	16.077.000.000	16.077.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.378.749.965	2.378.749.965	1.897.999.972	1.900.499.972	2.376.249.965	2.376.249.965
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	2.378.749.965	2.378.749.965	1.897.999.972	1.900.499.972	2.376.249.965	2.376.249.965
	<b>234.125.749.965</b>	<b>234.125.749.965</b>	<b>188.632.999.972</b>	<b>379.680.499.972</b>	<b>43.078.249.965</b>	<b>43.078.249.965</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Báo cáo tài chính

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	163.598.416.659	163.598.416.659	-	159.462.000.028	340.416.687	340.416.687
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(4)</sup>	2.238.416.659	2.238.416.659	-	(1.897.999.972)	340.416.687	340.416.687
Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	161.360.000.000	161.360.000.000	-	161.360.000.000	-	-
	163.598.416.659	163.598.416.659	-	159.462.000.028	340.416.687	340.416.687

TỔNG



PK

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

### 17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

#### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

#### (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức:

Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;

#### (ii) Vay cá nhân

Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

#### (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hải Phòng theo các Hợp đồng:

+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

Ch

25  
ÔNG  
NH  
IÁNH  
/NG  
/00

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính  
Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**MÃ SỐ B 09-DN**

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

c) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngân hàng</i>				
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	24.625.000.000	34.083.961.108	173.170.000.000	66.180.580.835
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	24.625.000.000	34.083.961.108	53.170.000.000	26.330.717.825
			120.000.000.000	39.849.863.010
	<b>24.625.000.000</b>	<b>34.083.961.108</b>	<b>173.170.000.000</b>	<b>66.180.580.835</b>

(\*) Công văn số 240/NHN. BHP-KHDN ngày 01/03/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng thông báo về việc miễn, giảm tiền vay đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Đến ngày 05/04/2022 Công ty đã gửi giấy đề nghị miễn, giảm lãi kèm phương án trả nợ gửi cho Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng. Theo đó, đến thời điểm ngày 05/04/2022 thì số nợ gốc và lãi của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền là 164.376.036.926 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 44.376.036.926 đồng tiền lãi. Công ty đề nghị Ngân hàng cho thanh toán 127.999.000.000 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 7.999.000.000 đồng tiền lãi và đã được Ngân hàng đồng ý. Công ty đã thanh toán đầy đủ 127.999.000.000 đồng như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Theo công văn 406/NHN. BHP-KHDN ngày 08/04/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo đó kể từ ngày 06/04/2022, Công ty đã thanh toán hết mọi nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng.

26  
 (TP.V)  
 BDP  
 HẮ  
 NG T  
 730

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý IV/2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021</b>					
Tại ngày 01/01/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(85.791.019.417)	619.951.609.880
Lãi/lỗ trong từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	-	-	-	4.274.506.507	4.274.506.507
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(81.516.512.910)</b>	<b>624.226.116.387</b>
<b>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022</b>					
Tại ngày 01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387
Lãi/lỗ trong từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	-	-	-	(44.184.203.172)	(44.184.203.172)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(125.700.716.082)</b>	<b>580.041.913.215</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ (%)	01/01/2022	Tỷ lệ (%)
	VND		VND	
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	601.293.490.000	86,73%
	<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

### d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

### e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	<b>15.692.449.297</b>	<b>15.692.449.297</b>

## 19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.328,86	6.416,35

## 20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV/2022	Quý IV/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	121.154.000.000	269.685.925.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.176.822.782	1.128.910.040
	<b>122.330.822.782</b>	<b>270.814.835.040</b>

Doanh thu đối với các bên liên quan - 140.403.524.500

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý IV/2022 VND	Quý IV/2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	120.784.104.202	240.307.018.564
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	880.010.125	560.259.463
	<b>121.664.114.327</b>	<b>240.867.278.027</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý IV/2022 VND	Quý IV/2021 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	98.396.839	60.357.170
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	149.706	2.637.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	560.250.827	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>658.797.372</b>	<b>62.994.170</b>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.)</i>	-	-

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý IV/2022 VND	Quý IV/2021 VND
Lãi tiền vay	1.716.743.364	13.659.989.140
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.375	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	333.102.071
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6.798.355	(14.072.202.749)
Chi phí tài chính khác	-	-
	<b>1.723.556.094</b>	<b>(79.111.538)</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý IV/2022 VND	Quý IV/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	11.094.078	15.421.678
Chi phí nhân công	764.348.665	938.612.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	297.989.725	317.576.415
Thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	2.692.791.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.816.341	104.725.970
Chi phí khác bằng tiền	39.207.324.166	480.952.165
	<b>40.386.572.975</b>	<b>4.550.080.385</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(44.184.203.172)	5.874.998.156
Các khoản điều chỉnh tăng	17.558.541.862	603.562.207
- Chi phí không hợp lệ	17.234.948.494	331.898.196
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	323.593.368	271.664.011
...	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	452.193
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	452.193
- Chuyển lỗ các kỳ trước	-	-
...	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(26.625.661.310)	6.478.108.170
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.295.621.634</b>

### 26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(44.184.203.172)	4.579.376.522
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(44.184.203.172)	4.579.376.522
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	69.329.928	69.329.928
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(637)</b>	<b>66</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

### 27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2022 đến	Từ ngày 01/01/2021
	ngày 31/12/2022	đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.040.462.182</b>	<b>140.403.524.500</b>
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	1.040.462.182	140.403.524.500
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương là Cổ vấn kiêm Giám đốc tài chính tại Công ty CP XNK Quảng Bình đồng thời là Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP XNK Cát Long đến hết ngày 22/12/2022		
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>876.500.000</b>	<b>273.762.870.568</b>
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	-	272.112.870.568
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương là Cổ vấn kiêm Giám đốc tài chính tại Công ty CP XNK Quảng Bình đồng thời là Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP XNK Cát Long đến hết ngày 22/12/2022		
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	876.500.000	1.650.000.000
<b>Cho vay vốn</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>4.765.000.000</b>
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	2.600.000.000	4.765.000.000
Công ty con đến hết ngày 06/06/2022		
<b>Thu lại tiền cho vay</b>	<b>4.565.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	4.565.000.000	2.800.000.000
Công ty con đến hết ngày 06/06/2022		
<b>Trả tiền vay</b>	<b>12.300.000.000</b>	-
Ông Hoàng Văn Hưng	7.490.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	4.810.000.000	-
Tổng Giám đốc		
Phó Tổng Giám đốc		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Số dư tại ngày kết thúc kỳ:**

	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>2.162.367.324</b>	<b>6.764.871.255</b>
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Công ty con đến hết ngày 06/06/2022	2.162.367.324	6.652.011.255
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương là Cổ vấn kiêm Giám đốc tài chính tại Công ty CP XNK Quảng Bình đồng thời là Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP XNK Cát Long đến hết ngày 22/12/2022	-	112.860.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>214.783.600</b>	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương là Cổ vấn kiêm Giám đốc tài chính tại Công ty CP XNK Quảng Bình đồng thời là Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP XNK Cát Long đến hết ngày 22/12/2022	214.783.600	-
<b>Phải thu về cho vay</b>		-	<b>1.965.000.000</b>
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Công ty con đến hết ngày 06/06/2022	-	1.965.000.000
<b>Vay tiền</b>		<b>14.077.000.000</b>	<b>26.377.000.000</b>
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	14.077.000.000	18.887.000.000
Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	-	7.490.000.000



Ch

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,



Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Quý 4/2022	Quý 4/2021
1	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>236.012.621</b>	<b>113.333.747</b>
	Nguyễn Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm ngày 21/07/2022)	62.712.232	64.671.798
1	Hương	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	55.614.885	-
2	Vũ Thị Dương	Thành viên HĐQT	46.405.504	48.661.949
3	Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm 23/04/2021)	45.360.000	-
4	Lê Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT (Từ nhiệm 30/03/2021)	25.920.000	-
5	Nguyễn Thị Đông		66.524.477	72.227.710
<b>II Ban Tổng Giám đốc</b>				
1	Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	33.008.615	36.113.855
2	Nguyễn Thanh Bình	PTGD phụ trách đối ngoại	33.515.862	36.113.855
<b>III Ban kiểm soát</b>			<b>168.642.605</b>	<b>33.643.497</b>
1	Trần Thị Thu Trang	Thành viên ban kiểm soát	32.562.605	33.643.497
2	Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban kiểm soát	77.760.000	-
3	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên ban kiểm soát	58.320.000	-
<b>IV Ban Kiểm toán nội bộ</b>			<b>6.000.000</b>	<b>-</b>
1	Lê Thị Hiệp	Trưởng ban kiểm toán nội bộ	3.000.000	-
2	Đỗ Thị Tân	Thành viên ban kiểm toán nội bộ	3.000.000	-

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập bởi công ty CP XNK Quảng Bình và Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

  
Nguyễn Thị Thanh Thúy  
Người lập  
Trần Thị Yên Chi  
Kế toán trưởng  
Vũ Thị Dương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam**  
**- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.
- Căn cứ vào Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HDTV ngày 31/03/2022 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (Mã chứng khoán: QBS) xin báo cáo khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát và giải trình về chỉ tiêu số 60- Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính quý IV năm 2022 như sau:

**1. Giải trình về chỉ tiêu số 60- Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý IV năm 2022**

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý 4/2022 của công ty là (41,72 tỷ) đồng, giảm 140,68 tỷ đồng so với lợi nhuận cùng kỳ của năm 2021 (Lợi nhuận sau thuế của quý 4/2021 là 98,96 đồng. Nguyên nhân được xác định như sau:

- Doanh thu quý 4/2022 đạt 122,33 tỷ đồng, giảm 148,48 tỷ đồng tương ứng giảm 54,83% so với doanh thu quý 4/2021. Giá vốn quý 4/2022 đạt 121,66 tỷ đồng, giảm 119,21 tỷ đồng tương ứng giảm 49,5 % so với giá vốn cùng kỳ năm 2021.
- Tổng doanh thu tài chính quý 4/2022 đạt 0,66 tỷ đồng, tăng 0,6 tỷ đồng so với doanh thu tài chính quý 4/2021. Tổng chi phí tài chính của quý 4/2022 tăng 1,8 tỷ đồng so với quý 4/2021.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 35,836 tỷ đồng do công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với Công ty CP phát triển Phân bón Đình Vũ và Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy TP Nam Ninh.



## 2. Báo cáo khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát

Cổ phiếu QBS trong diện kiểm soát do số dư lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2021 là (81,516) tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế được ghi nhận tại ngày 31/12/2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	(81.516.512.910)	(125.700.716.082)

Trong thời gian vừa qua, công ty tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh cũng như đôn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng để chi trả các khoản gốc và lãi quá hạn thanh toán với các ngân hàng và nhà cung cấp.

Công ty đã và đang thực hiện việc thúc đẩy các hoạt động kinh doanh và tập trung vào mảng kinh doanh thế mạnh, truyền thông, đồng thời nghiên cứu đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh. Doanh thu 6 tháng cuối năm 2022 đã có cải thiện đáng kể so với doanh thu 6 tháng đầu năm 2022. Ngoài ra, Công ty đang tìm kiếm nguồn khách hàng tiềm năng mới với kỳ vọng năm 2023 sẽ đạt được hiệu quả kinh doanh như mong muốn, giảm lỗ lũy kế, cải thiện tình trạng chứng khoán bị kiểm soát.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý 4/2022 của công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Vũ Thị Dương*